

# THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

**Lê Quân**

*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

## **Tóm tắt:**

*Bài viết trình bày khái quát những khảo sát, thống kê, đánh giá về thực trạng giáo dục nghề nghiệp Việt Nam từ năm 2016 đến nay bao gồm từ hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; kết quả tuyển sinh, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, phát triển chương trình, đào tạo chất lượng cao, đảm bảo và kiểm định chất lượng, xây dựng và đánh giá kỹ năng nghề, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học..., trên cơ sở đó cũng chỉ ra những khó khăn, thách thức của giáo dục nghề nghiệp. Qua đó, bài viết cũng đã trình bày các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và đề xuất một số giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** giáo dục nghề nghiệp, thực trạng, định hướng phát triển

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, sự vào cuộc mạnh mẽ của các bộ, ngành, địa phương và nỗ lực của toàn ngành, công tác GDNN bước đầu đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhận thức của xã hội, người dân, doanh nghiệp về GDNN đã có những chuyển biến tích cực; số lượng người tham gia vào GDNN ngày càng tăng; tỷ lệ người học sau tốt nghiệp có việc làm cao, thu nhập ổn định. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về GDNN từng bước được hoàn thiện; mạng lưới cơ sở GDNN phát triển rộng khắp, đa dạng về loại hình và trình độ đào tạo; các điều kiện bảo đảm chất lượng ngày càng được tăng cường; xuất hiện ngày càng nhiều mô hình đào tạo chất lượng cao, đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện thành công các nhiệm vụ của ngành và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực của thị trường lao động trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, kinh tế tri thức, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế dịch chuyển nhân lực trên thị trường lao động quốc tế, GDNN cần tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của thị trường lao động.

## **I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

### **1. Khái quát về những kết quả đạt được từ 2016 đến nay**

**1.1. Về xây dựng chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và công tác chỉ đạo, điều hành**

Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 đã hình thành hệ thống GDNN trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó có quy định 3 cấp trình độ đào tạo là sơ cấp, trung cấp (TC) và cao đẳng (CĐ), nhằm đáp ứng yêu cầu về cơ cấu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế trong giai đoạn mới. Tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 8/2016, Chính phủ thống nhất giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước về GDNN. Như vậy, từ năm 2017 đến nay là 3 năm đầu tiên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GDNN và vận hành toàn bộ hệ thống theo các quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, là những năm đánh dấu mốc quan trọng trong việc thống nhất quản lý nhà nước, phát triển hệ thống GDNN, chấm dứt tình trạng phân mảnh, cát cứ của hệ thống GDNN sau 21 năm, tính từ Luật Giáo dục năm 1998.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền 63 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Giáo dục nghề nghiệp trong đó có 08 nghị định, 09 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 51 thông tư và 03 thông tư liên, bảo đảm hệ thống GDNN vận hành tốt trong thực tiễn.

Ban Cán sự đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Nghị quyết số 617-NQ/BCSD ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030. Đây là những chỉ đạo, định hướng quan trọng làm cơ sở cho các bộ ngành, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan trực thuộc, các cơ sở GDNN thuộc quyền quản lý cụ thể hóa thành những kế hoạch, chương trình hành động để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng ở các địa phương, cơ sở GDNN. Ngoài ra, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tích cực, phối hợp với các Bộ, ngành, chỉ đạo các địa phương, cơ sở GDNN triển khai thực hiện tốt việc tổ chức, hoạt động GDNN theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

## ***1.2. Về quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN***

Tính đến tháng 12/2016, trước khi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận bàn giao các trường trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), các trường CĐ từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống GDNN có 2.020 cơ sở, trong đó có 1.498 trường trung cấp nghề (TCN), cao đẳng nghề (CĐN), trung tâm dạy nghề (TTDN) thuộc hệ thống dạy nghề, trong đó có 189 trường CĐN; 276 trường TCN; 1.033 TTDN; 522 trường TCCN, CĐ thuộc hệ thống giáo dục, đào tạo trong đó có 219 trường CĐ; 303 trường TCCN.

Thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, tính đến hết năm 2018, cả nước có 1.948 cơ sở GDNN, trong đó: 397 trường CĐ (công lập: 309 trường; tư thực: 84 trường; có vốn đầu tư nước ngoài: 4 trường); 519 trường trung cấp (TC) (công lập: 283 trường; tư thực: 235 trường; có vốn đầu tư nước ngoài: 01 trường); 1.032 trung

tâm GDNN (công lập: 697 trung tâm; tự thực: 346 trung tâm; có vốn đầu tư nước ngoài: 2 trung tâm).

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW) đến tháng 6/2019, cả nước có 1.917 cơ sở GDNN, trong đó: 400 trường cao đẳng, 492 trường trung cấp, 1.025 trung tâm GDNN. Như vậy, so với năm 2018, giảm 37 cơ sở (giảm 1,2%), tính riêng các cơ sở GDNN công lập giảm khoảng 4,28%. Ước hết năm 2019 còn 1.904 cơ sở (giảm bình quân 2,56% cơ sở GDNN công lập theo Nghị quyết số 19 và Nghị quyết số 08), trong đó các cơ sở GDNN công lập giảm 4,92% so với năm 2018.

Hiện nay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại hệ thống cơ sở GDNN đến năm 2030 theo hướng phân tầng: Tầng cơ sở GDNN chất lượng cao thì được Nhà nước đầu tư trọng điểm; tầng cơ sở GDNN tự chủ thì gắn với đặt hàng của Nhà nước và doanh nghiệp; tầng cơ sở GDNN đặc thù được Nhà nước đầu tư, giao kinh phí hoạt động thường xuyên theo Đề án phát triển và nâng cao chất lượng đã được phê duyệt.

### ***1.3. Về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp***

Năm 2016, cả nước tuyển sinh được 2,047,667 người, trong đó, trình độ CĐ<sup>1</sup> đạt 91,559 người; trình độ TC<sup>2</sup> đạt 147,096 người).

Từ năm 2017 đến 2018, một phần do hệ thống GDNN đã vận hành ổn định, một phần do thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh nên kết quả tuyển sinh của năm 2017, 2018 đã có những biến chuyển tốt hơn so với năm 2016. Trong 2 năm (2017 - 2018) đã tuyển được hơn 2,2 triệu người/năm, trong đó: tuyển sinh CĐ, TC hơn 540 ngàn người/năm; tuyển sinh trình độ sơ cấp (SC) và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác hơn 1,6 triệu người/trên năm, đạt từ 100,2 - 100,5%.

---

<sup>1</sup> Bao gồm cả cao đẳng nghề và cao đẳng;

<sup>2</sup> Bao gồm cả trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề

**Bảng 1. Kết quả tuyển sinh từ 2016 - 2018**

<b>Trình độ</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,074,667</b>	<b>2,204,400</b>	<b>2,210,000</b>
Trình độ cao đẳng	91,559	230,400	219,800
Trình độ trung cấp	147,096	310,000	325,200
<b>Cộng TC, CĐ</b>	<b>238,655</b>	<b>540,400</b>	<b>545,000</b>
Sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác	<b>1,836,012</b>	<b>1,664,000</b>	<b>1,665,000</b>

Trong đó, nhiều trường cao đẳng đã thực hiện tuyển sinh theo mô hình 9+ với đối tượng tốt nghiệp trung học cơ sở để học liên thông lên trình độ cao đẳng. Người học vừa được học văn hóa THPT vừa được đào tạo nghề nghiệp. Đây là mô hình đã triển khai thành công ở nhiều nước trên thế giới, giúp rút ngắn thời gian và chi phí đào tạo để người học sớm tham gia thị trường lao động. Đây đang được xem là giải pháp đột phá cho GDNN trong thời gian tới và là hướng đi hiệu quả trong tháo gỡ nút thắt phân luồng sau trung học cơ sở tại Việt Nam.

#### **1.4. Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng**

##### **\* Xây dựng chuẩn đầu ra, đổi mới chương trình, giáo trình đào tạo**

Ngay sau khi được giao quản lý nhà nước về GDNN, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành 03 thông tư quy định xây dựng chuẩn đầu ra (khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ TC, CĐ) và xây dựng chương trình, giáo trình làm căn cứ cho các trường xây dựng, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo<sup>3</sup>. Trên cơ sở đó đã tổ chức xây dựng, thẩm định ban hành 320 chuẩn đầu ra của 160 ngành, nghề đào tạo ở trình độ TC, CĐ theo quy định, để các trường theo đó xây dựng, hoàn thiện chương trình đào tạo. Ngoài ra, đã ban hành 03 thông tư quy định về đào tạo thường xuyên; quy định về đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học; đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, tạo điều kiện cho người học ở các lứa tuổi có cơ hội được học liên tục, học suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập<sup>4</sup>. Các

<sup>3</sup> Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để làm căn cứ cho các trường xây dựng, ban hành chương trình đào tạo

<sup>4</sup> Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo thường xuyên; Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học; Thông tư số 33/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra, tiếp cận năng lực; được thiết kế thuận lợi cho việc tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ.

Nhằm nâng cao chất lượng GDNN tiếp cận với chuẩn chất lượng của khu vực ASEAN và thế giới, thực hiện Đề án “Chuyển giao các bộ chương trình; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề; đào tạo thí điểm các nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN, quốc tế” theo Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn thành việc chuyển giao 34 bộ chương trình đào tạo các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, trong đó 12 bộ chương trình chuyển giao từ Úc và 22 bộ chương trình chuyển giao từ CHLB Đức.

#### **\* Chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý**

Tính đến hết tháng 12/2018, cả nước có tổng số 86.350 nhà giáo trong các cơ sở GDNN (trong đó có: 37.826 nhà giáo, giáo viên tại các trường cao đẳng, 18.198 nhà giáo tại các trường trung cấp và 15.481 nhà giáo tại các trung tâm GDNN) và có gần 14.845 nhà giáo thuộc các cơ sở khác có tham gia hoạt động GDNN. Ngoài ra, còn hàng ngàn người làm công tác đào tạo nghề ở các lớp đào tạo nghề thuộc doanh nghiệp, làng nghề, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các chương trình, đề án về đào tạo nghề nghiệp. Trong năm 2017, 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành 07 thông tư hướng dẫn các lĩnh vực liên quan đến chế độ, chính sách và nhất là việc chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo trong GDNN. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa nhà giáo GDNN ở trong nước, nước ngoài giai đoạn 2017 - 2018 đã mang lại hiệu quả cao cho hoạt động đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN.

Đội ngũ cán bộ quản lý của các cơ sở GDNN tăng nhanh và từng bước đạt chuẩn. Hiện nay, tổng số cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp là 1559 người, trong đó cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 19.189 người; gần 45% số cán bộ quản lý các cơ sở GDNN đã qua đào tạo, bồi dưỡng về quản lý về GDNN cả trong nước và nước ngoài.

#### **\* Chuẩn hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**

Thực hiện mục tiêu chuẩn hóa cơ sở, vật chất, thiết bị đào tạo, trong năm 2017 - 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành nhiều các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn về các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định trong đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo<sup>5</sup>. Tổ chức xây dựng, thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo trình độ CĐ, TC cho 67 ngành, nghề; tổ chức xây dựng và thẩm định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ

---

5. Thông tư số 14/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2017 về việc quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực GDNN; Quyết định số 544/QĐ-LĐTBXH ngày 17/4/2017 về việc ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành danh mục thiết bị đào tạo cho từng ngành, nghề theo cấp độ và trình độ đào tạo và tiêu chuẩn cơ sở vật chất của cơ sở GDNN; Thông tư số 08/2018/TT-BLĐTBXH ngày 14/8/2018 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề: Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Vận hành máy thi công nền; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng; Bảo vệ thực vật; Chế biến và bảo quản thủy sản; Quản trị mạng máy tính; Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas; Thông tư số 38/2018/BLĐTBXH ngày 28/12/2018 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDNN.

CD, TC cho 58 ngành, nghề; xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo bồi dưỡng 05 lớp cán bộ quản lý thiết bị đào tạo GDNN.

Việc xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, danh mục thiết bị đào tạo, tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm đã tạo hành lang pháp lý trong việc quản lý, mua sắm và sử dụng hiệu quả trang thiết bị, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

### **1.5. Công tác đào tạo chất lượng cao**

#### ***\* Về phát triển trường chất lượng cao, quy hoạch nghề trọng điểm***

Đề đào tạo nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế đất nước theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, ngày 23/5/2014 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 (Quyết định số 761/QĐ-TTg). Theo đó, từ năm 2014 cả nước đã có 45 trường được lựa chọn để tập trung ưu tiên đầu tư đồng bộ thành trường chất lượng cao vào năm 2020. Hiện nay, trước bối cảnh thống nhất hệ thống GDNN, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 761/QĐ-TTg, dự kiến lựa chọn 86 trường để tập trung ưu tiên đầu tư đồng bộ trở thành trường chất lượng cao.

Ngoài ra, Bộ đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức lựa chọn, phê duyệt ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025<sup>6</sup>. Mặt khác, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH Quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đây là cơ sở quan trọng để các cơ sở GDNN tổ chức thực hiện đào tạo các chương trình chất lượng cao, góp phần tăng nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

#### ***\* Về đào tạo theo các chương trình chất lượng cao quốc tế***

Hiện Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang triển khai thí điểm đào tạo theo các bộ chương trình chuyển giao cấp độ quốc tế từ Úc và Đức cho khoảng 2.000 sinh viên, để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên sẽ được cấp 02 bằng (bằng cao đẳng của Việt Nam và bằng của Úc hoặc của Đức). Người học ngoài việc có kỹ năng nghề nghiệp được quốc tế công nhận còn có năng lực tiếng Anh thấp nhất đạt trình độ B1 đến B2 theo Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu để tham gia thị trường lao động trong nước, khu vực ASEAN và quốc tế hoặc có thể học liên thông lên trình độ đại học tại hệ thống các trường đại học của Úc, CHLB Đức.

Bên cạnh việc chuyển giao chương trình và đào tạo thí điểm theo chương trình chuyển giao từ Úc, Đức, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội còn phối hợp với chuyên gia, các tổ chức quốc tế thí điểm xây dựng chương trình đào tạo

---

<sup>6</sup> Quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 và Quyết định số 1839/QĐ-LĐTBXH ngày 28/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

tiếp cận năng lực theo tiêu chuẩn của Pháp, Bỉ, Hàn Quốc; thí điểm đào tạo theo mô hình “đào tạo nghề kép” của Đức, Thụy Sĩ v.v...

### **1.6. Công tác kiểm định chất lượng GDNN**

Thực hiện những đổi mới của Luật GNN về công tác kiểm định, trong năm 2017 - 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành và trình ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động kiểm định và bảo đảm chất lượng (01 nghị định, 03 thông tư), làm cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm định và bảo đảm chất lượng GDNN; công tác kiểm định và tự kiểm định (tự đánh giá) chất lượng trong GDNN đã được chú trọng, góp phần nâng cao chất lượng GDNN; nhiều cơ sở GDNN, nhiều nghề đào tạo đã đạt tiêu chuẩn kiểm định của quốc tế (12 nghề của 25 trường đạt tiêu chuẩn kiểm định của Úc; 22 nghề của 45 trường đạt tiêu chuẩn kiểm định của Đức; 02 trường đạt tiêu chuẩn kiểm định của OFSTED Anh, 01 trường đạt tiêu chuẩn ABET Mỹ ...).

### **1.7. Gắn kết với doanh nghiệp trong hoạt động GDNN**

Xác định gắn kết với doanh nghiệp là một trong 3 đột phá để đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN, từ năm 2016, nhất là trong 2 năm 2017, 2018, nhiều hoạt động gắn kết với doanh nghiệp đã được triển khai. Đặc biệt, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, trong đó, khuyến khích các cơ sở GDNN và doanh nghiệp liên kết để tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, trong đó doanh nghiệp có thể đảm nhận giảng dạy đến 40% thời lượng của chương trình đào tạo. Đã có nhiều doanh nghiệp thành lập cơ sở đào tạo (có 46 trường cao đẳng thuộc doanh nghiệp/397 tổng số trường cao đẳng, chiếm tỉ lệ 11,6%; có 84 trường trung cấp thuộc doanh nghiệp/519 tổng số trường trung cấp, chiếm tỉ lệ 16,1%; 181 trung tâm thuộc doanh nghiệp/1.032 tổng số trung tâm, chiếm tỉ lệ 17,5%). Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp còn tham gia hoạt động GDNN từ việc tham gia xây dựng chuẩn đầu ra, xây dựng chương trình, tham gia đào tạo, đánh giá người học cho đến tuyển dụng và việc làm với nhiều hình thức khác nhau như: Liên kết đào tạo, đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động.v.v....

Thông qua các hoạt động gắn kết GDNN với doanh nghiệp với hàng loạt các hoạt động như ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, ký kết hợp tác, xây dựng các mô hình thí điểm phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp..., cơ chế phối hợp 3 bên: Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp bắt đầu hình thành và vận hành trong thực tiễn. Các địa phương đã quan tâm đến hoạt động gắn kết với doanh nghiệp; các cơ sở GDNN đã chủ động hơn, thuận lợi hơn khi tìm đến doanh nghiệp; các doanh nghiệp đã tích cực hơn trong việc tiếp cận, tìm đến các nhà trường; mô hình đào tạo tại doanh nghiệp được hình thành rõ rệt.

### **1.8. Ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học**

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang triển khai thực hiện Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề

đến năm 2020” theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ bằng các dự án thành phần. Các Dự án này sẽ tập trung vào xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến và triển khai đến các cơ sở GDNN; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong hoạt động kiểm định, đảm bảo chất lượng GDNN và đánh giá kỹ năng nghề và đầu tư, nâng cấp hạ tầng, thiết bị CNTT cho hệ thống.

Việc ứng dụng CNTT trong quản lý, hoạt động dạy và học được tăng cường; hiện đang triển khai thí điểm số hóa bài giảng, mô phỏng thực hành nghề để hình thành cơ sở dữ liệu bài giảng điện tử nhằm hiện đại hóa công tác dạy học; chuẩn bị cho việc đào tạo trực tuyến 4 môn học chung.

### ***1.9. Một số kết quả hoạt động khác***

- Tổ chức xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia (TCKNNQG) cho 191 ngành, nghề<sup>7</sup>. Cấp giấy chứng nhận cho 41 trung tâm đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; thí điểm đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho 6.400 người thuộc các ngành, nghề sử dụng nhiều lao động và có các công việc yêu cầu phải có chứng chỉ kỹ năng nghề.

- Nhiều các hoạt động hợp tác quốc tế đã được đẩy mạnh, triển khai ở nhiều lĩnh vực với sự tham gia của nhiều đối tác và nhiều quốc gia (Vương quốc Anh, CHLB Đức, Pháp, Hà Lan, Bỉ, Luxembourg, Mỹ, Canada, Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đan Mạch, các nước ASEAN...). Thông qua hợp tác quốc tế đã giúp cho GDNN của Việt Nam từng bước tiếp cận với trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN và thế giới.

- Công tác nghiên cứu khoa học đã được chú ý triển khai hiệu quả. Từ 2016 đến nay đã có 05 Đề tài thuộc Chương trình Khoa học công nghệ trọng điểm cấp Bộ 2016; 06 Đề tài trọng điểm cấp Bộ năm 2017 - 2018 được triển khai; nghiên cứu, xuất bản Báo cáo quốc gia thường niên về GDNN năm 2016, 2017; xuất bản định kỳ 12 số Tạp chí Giáo dục nghề nghiệp mỗi năm, góp phần tuyên truyền về hoạt động GDNN, khoa học GDNN, góp phần ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN được thực hiện thông qua nhiều hình thức phong phú như: Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, truyền hình,...); trên các Cổng thông tin điện tử, tạp chí; thông qua các hội nghị, hội thảo, gặp mặt báo chí; thông qua phát hành các ấn phẩm, tài liệu, video...<sup>8</sup>

## **2. Đánh giá chung về thực trạng**

### ***2.1. Những ưu điểm***

---

<sup>7</sup> Năm 2017 xây dựng mới TCKNNQG cho 02 nghề, năm 2018 thực hiện cập nhật, bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi TCKNNQG cho 11 nghề;

<sup>8</sup> Từ năm 2016 đến nay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thường xuyên phối hợp chặt chẽ với hơn 40 cơ quan thông tấn báo chí của Trung ương và địa phương trong công tác truyền thông. Trong năm 2018, đã có trên 4.000 lượt tin, bài, ảnh, phóng sự được đưa trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Hệ thống GDNN đã và đang thực hiện đổi mới khá mạnh mẽ, đồng bộ, nhất là trong việc xây dựng văn bản QPPL. Chỉ trong thời gian ngắn (3 năm), gần một trăm văn bản QPPL đã được ban hành, kịp thời hướng dẫn triển khai thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp, tạo điều kiện tốt nhất về pháp lý để thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN;

- Công tác tuyên truyền về GDNN được chú trọng, nhận thức của người học, người dân và xã hội về GDNN đã có những chuyển biến nhất định; kết quả tuyển sinh trong 2 năm 2017, 2018 đã bắt đầu đạt và vượt chỉ tiêu đề ra;

- Các điều kiện bảo đảm chất lượng GDNN (chương trình đào tạo, nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo) được cải thiện, từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đổi mới GDNN; nhiều cơ sở GDNN đã có những nghề đạt tiêu chí kiểm định của Úc, Đức và Tổ chức ABET (Mỹ)<sup>9</sup>;

- Chất lượng và hiệu quả GDNN có bước chuyển biến tích cực; kỹ năng nghề nghiệp của người tốt nghiệp các cơ sở GDNN đã được nâng lên. Ở nhiều nghề, kỹ năng nghề của lao động Việt Nam đã đạt chuẩn quốc tế. Lao động qua đào tạo nghề nghiệp tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và đã đảm nhận được các vị trí, công việc phức tạp mà trước đây phải do chuyên gia nước ngoài thực hiện; trên 80% người học tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, ở một số nghề và một số cơ sở GDNN tỷ lệ này đạt gần 100%<sup>10</sup>;

- Bắt đầu hình thành mô hình đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế thông qua các chương trình đào tạo chuyên giao; đáp ứng yêu cầu về lao động chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước (các doanh nghiệp FDI) và cho thị trường lao động ngoài nước (lao động kỹ sư);

- Học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, nghề đào tạo đạt tỷ lệ cao và có thu nhập ổn định đã tác động tốt đến tâm lý của người học và xã hội, góp phần làm thay đổi quan điểm và cách nhìn nhận của xã hội về học nghề, lập nghiệp.

- Việc tăng cường gắn kết với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo, giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp bước đầu đi vào chiều sâu, hoạt động hiệu quả; cơ chế phối hợp 3 bên: Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp bắt đầu hình thành và vận hành khá tốt trong thực tiễn.

## **2.2. Một số khó khăn, hạn chế**

- Nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan chức năng về GDNN ở một số địa phương chưa đầy đủ, thậm chí còn coi nhẹ; một bộ phận xã hội vẫn chưa nhận thức đúng về vai trò quan trọng của GDNN trong đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; tâm lý coi trọng bằng cấp vẫn còn

<sup>9</sup> Hiện có 15 trường có nghề đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Úc và đang đào tạo thí điểm chương trình của Úc để cấp văn bằng của Úc; 45 trường có từ 1 đến 3 nghề đạt tiêu chuẩn của Đức đang chuẩn bị đào tạo theo chương trình của Đức; 01 trường có đạt tiêu chuẩn của ABET (Mỹ)

<sup>10</sup> Trường CĐ Cao Thắng, CĐ Cơ điện Hà Nội, CĐ Lý Tự Trọng.v.v...

nặng nề; việc định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT không đạt mục tiêu đề ra.

- Hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDNN chưa cao; năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở địa phương còn hạn chế; đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về GDNN thiếu về số lượng, chưa chuyên nghiệp và một bộ phận chưa đạt chuẩn; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đào tạo trong lĩnh vực GDNN chưa đáp ứng được yêu cầu;

- Mạng lưới cơ sở GDNN còn bất cập về phân bố giữa các vùng miền, ngành nghề, trình độ đào tạo; quy mô đào tạo của nhiều cơ sở GDNN còn nhỏ; việc sáp nhập cơ sở GDNN ở một số địa phương còn mang tính hành chính, cơ học, chưa có nguyên tắc sáp nhập cụ thể, chưa có cơ chế bảo đảm hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDNN sau sáp nhập;

- Cơ cấu trình độ đào tạo trong GDNN vẫn còn chưa hợp lý, chủ yếu vẫn là đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên, ngắn hạn (chiếm 75%), trình độ trung cấp, cao đẳng chỉ chiếm khoảng 25% trên tổng số tuyển sinh;

- Công tác tuyển sinh trong GDNN vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt đối với những ngành, nghề học nặng nhọc độc hại, ngành nghề đòi hỏi trình độ năng khiếu;

- Chất lượng, hiệu quả đào tạo của nhiều cơ sở GDNN mặc dù đã được cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa gắn bó hữu cơ với nhu cầu nhân lực của từng ngành, lĩnh vực cụ thể và yêu cầu của đổi mới cơ cấu kinh tế - xã hội;

- Việc gắn kết với doanh nghiệp còn nhiều hạn chế; chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của doanh nghiệp chỉ được sử dụng, tuyển dụng lao động phải qua đào tạo nghề nghiệp ở tất cả các lĩnh vực lao động theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp; nhiều doanh nghiệp chưa nhận thức đúng về trách nhiệm xã hội trong việc tham gia hoạt động GDNN.

- Công tác quản lý và kiểm soát chất lượng GDNN còn hạn chế; tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia ban hành còn chậm; việc tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề chưa triển khai được rộng rãi;

- Việc chuẩn bị đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 còn có những khó khăn và chưa triển khai được nhiều.

- Việc huy động các nguồn lực đầu tư cho GDNN chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; ngân sách nhà nước đầu tư cho GDNN những năm gần đây tuy có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tương xứng với mục tiêu nhiệm vụ đề ra; nhiều địa phương chưa ưu tiên nguồn lực đầu tư cho phát triển GDNN.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

### ***1. Quan điểm phát triển giáo dục nghề nghiệp***

- Phát triển GDNN là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững của đất nước.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN cần chú trọng cả quy mô, cơ cấu và chất lượng đào tạo; kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, đảm bảo tính ổn định của hệ thống nhưng cần tầm nhìn dài hạn; nâng chất lượng GDNN từng bước đạt chuẩn khu vực và quốc tế để đáp ứng nhu cầu nhân lực trong nước và hội nhập với thị trường lao động khu vực và thế giới.

- Phát triển hệ thống GDNN theo hướng mở, đa dạng, linh hoạt với nhiều phương thức và trình độ đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cấp kỹ năng nghề nghiệp suốt đời của người lao động để đáp ứng yêu cầu của vị trí làm việc, giảm tình trạng thất nghiệp và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, cải thiện thu nhập và đời sống cho người lao động; Phát triển hệ thống GDNN cần sự tham gia của Nhà nước với ưu tiên bố trí ngân sách cho GDNN trong tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo; sự tham gia của các đối tác trong và ngoài nước.

- Gắn kết chặt chẽ GDNN với nhu cầu của thị trường lao động và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; lấy sự chấp nhận của thị trường lao động là thước đo của hiệu quả GDNN; chú trọng đào tạo thường xuyên, đào tạo cập nhật, đào tạo lại và đào tạo tại doanh nghiệp để phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp nhằm duy trì việc làm bền vững cho người lao động và nhu cầu sử dụng nhân lực của doanh nghiệp; có chính sách đầu tư phát triển GDNN đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách, đối tượng dễ bị tổn thương, tạo cơ hội cho mọi người lao động học nghề, lập nghiệp, góp phần xóa đói, giảm nghèo thực hiện công bằng xã hội.

- Phát triển GDNN là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, trước hết là của ngành lao động thương binh và xã hội các cấp, của doanh nghiệp và người dân.

## **2. Mục tiêu chung về phát triển giáo dục nghề nghiệp**

Tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng tuyển sinh, chất lượng đào tạo và hiệu quả của GDNN; phát triển hệ thống GDNN với nhiều phương thức và trình độ đào tạo nghề nghiệp, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo cho thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

## **3. Một số giải pháp trong thời gian tới**

**3.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về GDNN**

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong thông tin và truyền thông, tạo sự chuyển biến về nhận thức, sự đồng thuận và huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN; nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy, các đơn vị trong ngành nhất là các cấp ủy, thủ trưởng đơn vị về ý nghĩa, tầm quan trọng của đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN đối với việc phát triển nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn ngành quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển GDNN; chỉ đạo các tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng, các đơn vị trực thuộc và các cơ sở GDNN xây dựng kế hoạch thực hiện thiết thực, hiệu quả.

### ***3.2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN***

Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN theo hướng mở, bảo đảm quy mô, cơ cấu, hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo (đa ngành, chuyên ngành), vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng.

Sáp nhập hoặc giải thể các cơ sở GDNN yếu kém, hoạt động không hiệu quả, không đủ năng lực triển khai tự chủ; từng bước sáp nhập trường TC công lập vào trường CĐ; sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, trung tâm GDNN thành một cơ sở GDNN trên địa bàn cấp huyện và hợp tác chặt chẽ với các trường CĐ, TC để tổ chức đào tạo.

Tập trung nguồn lực đầu tư một số cơ sở GDNN chất lượng cao, ngành, nghề trọng điểm đã được quy hoạch theo các cấp độ (quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia) và các cơ sở GDNN chuyên ngành, các nhóm đối tượng đặc thù. Khuyến khích thành lập mới cơ sở GDNN tư thục, cơ sở GDNN của doanh nghiệp và có vốn đầu tư nước ngoài. Đẩy mạnh phân luồng, thu hút học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học theo chương trình 9<sup>+</sup>.

### ***3.3. Tăng cường gắn kết GDNN với thị trường lao động và việc làm bền vững***

Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo; hình thành cơ sở dữ liệu về cung cầu thị trường lao động.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động GDNN. Phát huy vai trò của các đơn vị sử dụng lao động, người sử dụng lao động, hiệp hội nghề nghiệp trong đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN. Hình thành mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở GDNN và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm nhằm hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp. Chú trọng phát triển tinh thần khởi nghiệp trong GDNN.

Thí điểm thành lập các hội đồng kỹ năng ngành trong một số lĩnh vực ưu tiên; xây dựng mô hình hợp tác công tư (PPP) trong lĩnh vực GDNN.

### ***3.4. Đẩy mạnh tự chủ của các cơ sở GDNN gắn với trách nhiệm giải trình, cơ chế đánh giá độc lập, sự kiểm soát của nhà nước, giám sát của xã hội***

Thực hiện tự chủ toàn diện; chuyển đổi hoạt động của các cơ sở GDNN công lập đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp; kiên quyết chuyển sang cơ chế tự bảo đảm hoàn toàn về tài chính, tổ chức nhân sự và thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ sở GDNN công lập đào tạo những ngành nghề có khả năng xã hội hóa cao trên cơ sở Nhà nước thực hiện lộ trình bảo đảm kinh phí hoạt động có thời hạn.

Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình, tăng cường sự kiểm tra, giám sát của nhà nước và xã hội. Đối với các cơ sở GDNN đang hoạt động có hiệu quả, có khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm thì tiếp tục triển khai thực hiện đào tạo theo quy định hiện hành sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thời kỳ 2021 - 2030.

### ***3.5. Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng trong hệ thống GDNN; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia***

Ban hành tiêu chuẩn nghề kỹ năng nghề quốc gia, chuẩn đầu ra, các chuẩn về điều kiện bảo đảm chất lượng, các định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng ngành, nghề.

Ban hành các chuẩn và đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa cho nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, người dạy tại các doanh nghiệp; xây dựng và triển khai chương trình chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực GDNN.

Đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng năng lực thực hiện; đẩy mạnh đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ; tiếp tục thí điểm đào tạo cho sinh viên của các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế theo chương trình chuyển giao và cấp bằng của nước ngoài; thí điểm triển khai chương trình đào tạo liên thông chất lượng cao từ trung cấp lên cao đẳng đối với đối tượng tốt nghiệp trung học cơ sở; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, quản trị nhà trường (xây dựng học liệu điện tử; quản lý tuyển sinh, tổ chức đào tạo trực tuyến; đào tạo từ xa; số hóa quản lý văn bằng chứng chỉ...); đẩy mạnh dạy và học ngoại ngữ trong GDNN.

Ban hành các chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường chất lượng cao, trường được lựa chọn đầu tư nghề trọng điểm, các trường đại học sư phạm kỹ thuật và các trường chuyên biệt; hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông, phương tiện và thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Phát triển mạng lưới các tổ chức kiểm định và đẩy mạnh kiểm định chất lượng GDNN; xây dựng, cập nhật tiêu chuẩn nghề quốc gia đảm bảo tương thích

với tiêu chuẩn nghề khu vực ASEAN, APEC; đẩy mạnh đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động; đàm phán, công nhận kỹ năng nghề giữa Việt Nam và các nước trong khu vực ASEAN và quốc tế.

### ***3.6. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về GDNN; thúc đẩy xã hội hóa GDNN***

Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về GDNN đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch và phù hợp với yêu cầu thực tiễn; xây dựng chương trình mục tiêu, đề án, dự án đổi mới GDNN, gắn với đào tạo và đào tạo lại đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hoàn thiện chính sách cho nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN; chính sách cho người học, cơ sở GDNN và chính sách cho doanh nghiệp khi tham gia hoạt động GDNN. Đổi mới cơ chế cấp phát ngân sách nhà nước sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo căn cứ vào số lượng, chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ đào tạo nghề nghiệp; đổi mới công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về GDNN.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước về GDNN. Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức của ngành làm công tác quản lý nhà nước về GDNN theo hướng hiện đại. Xây dựng cơ chế để người học và người sử dụng lao động tham gia chủ động vào đánh giá chất lượng đào tạo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong GDNN. Thúc đẩy xã hội hóa GDNN, xây dựng xã hội học tập; đẩy mạnh hình thức vừa làm, vừa học của người lao động trong các doanh nghiệp.

Có thể nói, kể từ khi được giao chính thức quản lý nhà nước thống nhất về GDNN, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan, các địa phương, cơ sở GDNN triển khai thực hiện tốt các quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống GDNN đã phát triển ổn định và bước đầu đã được những kết quả đáng khích lệ. Trong thời gian tới, để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN, đưa GDNN phát triển ở một tầm cao mới, cần thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp nêu trên, để GDNN thực sự đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018), Nghị quyết số 617-NQ/BCSĐB ngày 28/12/2018 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030;
2. Ban Chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

3. Ban Chấp hành Trung ương (2017), Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
4. Ban Chấp hành Trung ương (2019), Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016), Báo cáo Tình hình hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2016 và nhiệm vụ giải pháp năm 2017;
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017), Báo cáo giáo dục nghề nghiệp năm 2017 và phương hướng năm 2018;
7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018), Báo cáo đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp - Giải pháp đột phá đến năm 2020;
8. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Báo cáo khảo sát, thống kê về GDNN các năm 2016, 2017, 2018, 2019;
9. Quốc hội (2014), Luật Giáo dục nghề nghiệp;
10. Quốc hội (2019), Luật Giáo dục sửa đổi;
11. UNESCO (2016), Strategy for Technical and Education and Training (TVET) 2016 - 2021, Published in 2016 by the United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.